

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH HUNG YÊN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 349/NQ-HĐND

Hung Yên, ngày 22 tháng 12 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

Về việc phê duyệt tổng số lượng người làm việc, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các đơn vị sự nghiệp công lập, các hội được Nhà nước hỗ trợ kinh phí hoạt động theo số lượng người làm việc của tỉnh Hưng Yên năm 2021

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HUNG YÊN
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ MƯỜI LĂM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện chủ trương tinh giản biên chế;

Căn cứ Công văn số 4070/BNV-TCBC ngày 09 tháng 8 năm 2020 của Bộ Nội vụ về việc số lượng người làm việc và hợp đồng lao động trong các đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh Hưng Yên năm 2021;

Xét Tờ trình số 204/TTr-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 677/BC-BPC ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2021 là **19.946** người và giao

quản lý **45** biên chế để chủ động bố trí đối với các đơn vị sự nghiệp tổ chức lại đảm bảo theo Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; cụ thể như sau:

STT	Phân theo lĩnh vực	Số lượng người
1	Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo	16.054
2	Sự nghiệp Y tế	2.972
	<i>Trong đó:</i>	
	a) <i>Tuyến tỉnh, huyện, thị xã, thành phố</i>	<i>1.765</i>
	b) <i>Tuyến xã, phường, thị trấn</i>	<i>1.207</i>
3	Sự nghiệp VH-TT-DL, PTTT	426
4	Sự nghiệp khác	494
	<i>Trong đó:</i>	
	a) <i>các đơn vị sự nghiệp được cấp ngân sách nhà nước</i>	<i>474</i>
	b) <i>các đơn vị sự nghiệp có thu (hoặc có thu một phần) được NSNN hỗ trợ kinh phí hoạt động</i>	<i>20</i>
	Cộng	19.946

Điều 2. Giao số lượng lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện hợp đồng một số công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập là **184** người.

Điều 3. Hỗ trợ kinh phí hoạt động theo số lượng biên chế và lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP đối với các Hội có tính chất đặc thù là: **85** biên chế và **05** lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP.

(Chi tiết tại các Phụ lục I, II, III, IV, V kèm theo).

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Căn cứ Nghị quyết này, tổ chức triển khai thực hiện; giao biên chế đến từng cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố; thực hiện quản lý, sử dụng biên chế phù hợp và giải quyết chế độ nghỉ hưu hoặc thôi việc trong năm 2021 theo đúng quy định.

b) Thực hiện cơ cấu, tinh giản biên chế và nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập theo đúng Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII và Chương trình số 24-CT/TU ngày 05/02/2018 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức quản lý, nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

c) Tập trung điều chỉnh, phê duyệt đề án vị trí việc làm trong cơ quan, đơn vị sự nghiệp theo Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ, trên cơ sở danh mục khung vị trí việc làm được Bộ Chính trị thông qua và hướng dẫn của Bộ Nội vụ, Bộ Quản lý chuyên ngành; có phương án luân chuyển, điều động viên chức giáo viên trên cùng một địa bàn và bố trí đội ngũ kế toán trường học phù hợp với tình hình thực tế tại các địa phương. Thường xuyên rà soát, điều chỉnh phù hợp với quy định của pháp luật và thực tiễn quản lý để đề án vị trí việc làm thực sự phát huy tối đa hiệu quả.

d) Chỉ đạo rà soát, kiện toàn, sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập. Đánh giá các đơn vị sự nghiệp sau khi hợp nhất; tập trung các giải pháp đổi mới đơn vị sự nghiệp công lập, đẩy nhanh việc chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập sang cơ chế tự chủ. Rà soát, xác định cụ thể người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên trình UBND tỉnh quyết định giao biên chế hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp cấp theo quy định.

e) Tăng cường thực hiện xã hội hóa các hoạt động sự nghiệp, dịch vụ công; chuyển giao những công việc, nhiệm vụ cơ quan Nhà nước không nhất thiết phải trực tiếp thực hiện cho các đơn vị sự nghiệp, các hội theo quy định; chỉ đạo rà soát, xây dựng định mức khoán hoặc mức hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với các hội để thực hiện các nhiệm vụ được Đảng, Nhà nước giao, thay thế cơ chế hỗ trợ kinh phí hoạt động theo số lượng người làm việc.

g) Đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông ở một số địa phương số lượng học sinh tăng cơ học nhiều, tham mưu cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho ý kiến đề trình Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất giải pháp chỉ đạo hoặc quy định cơ chế đặc thù phù hợp với huyện, thị xã, thành phố có tốc độ phát triển nhanh về công nghiệp, đô thị.

h) Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quản lý viên chức và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVI, kỳ họp thứ Mười lăm thông qua ngày 22/12/2020 và có hiệu lực kể từ ngày ký./.

CHỦ TỊCH

Trần Quốc Toàn

PHỤ LỤC SỐ I**KẾ HOẠCH GIAO SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC, LAO ĐỘNG HỢP ĐỒNG THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 68/2000/NĐ-CP NĂM 2021 TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO***(Kèm theo Nghị quyết số 349/NQ-HĐND ngày 22/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

STT	Tên đơn vị	Kế hoạch giao năm học 2020-2021										Tổng số lao động HĐ theo ND số 68/2000/NĐ-CP
		Tổng số người làm việc	Trong đó:									
			Các trường mầm non	Các trường tiểu học	Các trường THCS	Các trung tâm GDNN-GDTX	Các trường THPT	Trung tâm GDTX tỉnh	Các trường THCS-THPT	Các trường TH-THCS	Các TT, trường CN-CB	
	Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo	16.054	4.220	4.534	4.072	276	1.578	17	67	778	512	57
I	Các sở, ngành	1.834	-	-	-	-	1.578	17	67	-	172	38
1	Các đơn vị SNCL trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	1.662					1.578	17	67			1
2	Các đơn vị SNCL trực thuộc Sở Văn hóa TT&DL	35									35	2
3	Các đơn vị SNCL trực thuộc Sở Lao động TB&XH	137									137	35
II	Đơn vị SNCL trực thuộc UBND tỉnh	340	-	-	-	-	-	-	-	-	340	17
1	Trường Cao đẳng Cộng đồng Hưng Yên	141									141	9

2	Trường Cao đẳng Y tế Hưng Yên	52									52	1
3	Trường CĐ Kinh tế - Kỹ thuật Tô Hiệu HY	147									147	7
III	Các huyện, thị xã, thành phố	13.880	<i>4.220</i>	<i>4.534</i>	<i>4.072</i>	<i>276</i>	-	-	-	<i>778</i>	-	2
1	Thành phố Hưng Yên	1.313	<i>348</i>	<i>456</i>	<i>382</i>	<i>29</i>				<i>98</i>		
2	Huyện Tiên Lữ	1.200	<i>375</i>	<i>377</i>	<i>332</i>	<i>36</i>				<i>80</i>		
3	Huyện Phù Cừ	1.024	<i>340</i>	<i>291</i>	<i>303</i>	<i>20</i>				<i>70</i>		
4	Huyện Ân Thi	1.579	<i>480</i>	<i>524</i>	<i>498</i>	<i>38</i>				<i>39</i>		1
5	Huyện Kim Động	1.259	<i>384</i>	<i>439</i>	<i>376</i>	<i>23</i>				<i>37</i>		
6	Huyện Khoái Châu	2.044	<i>617</i>	<i>566</i>	<i>545</i>	<i>39</i>				<i>277</i>		1
7	Huyện Văn Giang	1.274	<i>423</i>	<i>407</i>	<i>375</i>	<i>16</i>				<i>53</i>		
8	Huyện Văn Lâm	1.294	<i>426</i>	<i>452</i>	<i>396</i>	<i>20</i>						
9	Thị xã Mỹ Hào	1.274	<i>368</i>	<i>445</i>	<i>394</i>	<i>27</i>				<i>40</i>		
10	Huyện Yên Mỹ	1.619	<i>459</i>	<i>577</i>	<i>471</i>	<i>28</i>				<i>84</i>		

PHỤ LỤC SỐ II
KẾ HOẠCH GIAO SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC, LAO ĐỘNG HỢP ĐỒNG THEO
NGHỊ ĐỊNH SỐ 68/2000/NĐ-CP NĂM 2021 TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP Y TẾ
(Kèm theo Nghị quyết số 349/NQ-HĐND ngày 22/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên đơn vị	Kế hoạch giao năm 2021				Tổng số lao động HĐ theo ND số 68/2000/NĐ-CP
		Tổng số lượng người làm việc	Trong đó:			
			Đơn vị có Giường bệnh	Đơn vị không có Giường bệnh	Các Trạm y tế	
	Các đơn vị sự nghiệp Y tế thuộc Sở Y tế quản lý	2.972	1.597	168	1.207	73
1	Tuyển tỉnh, huyện, thị xã, thành phố	1.765	1.597	168		73
2	Tuyển xã, phường, thị trấn	1.207			1.207	

PHỤ LỤC SỐ III
KẾ HOẠCH GIAO SỔ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC,
LAO ĐỘNG HỢP ĐỒNG THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 68/2000/NĐ-CP NĂM 2021
TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP VH-TT-TT-PTTH
(Kèm theo Nghị quyết số 349/NQ-HĐND ngày 22/12/2020 của HĐND tỉnh)

STT	Tên đơn vị	Kế hoạch giao năm 2021	
		Tổng số lượng người làm việc	Tổng số lao động HĐ theo ND số 68/2000/NĐ-CP
1	Đài Phát thanh và Truyền hình Hưng Yên	86	3
2	Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao &DL	170	20
3	Các huyện, thị xã, thành phố	170	1
3.1	Thành phố Hưng Yên	22	1
3.2	Huyện Tiên Lữ	16	
3.3	Huyện Phù Cừ	16	
3.4	Huyện Ân Thi	16	
3.5	Huyện Kim Động	17	
3.6	Huyện Khoái Châu	18	
3.7	Huyện Văn Giang	16	
3.8	Huyện Văn Lâm	16	
3.9	Thị xã Mỹ Hào	16	
3.10	Huyện Yên Mỹ	17	
	Cộng	426	24

PHỤ LỤC SỐ IV
KẾ HOẠCH GIAO SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC, LAO ĐỘNG HỢP ĐỒNG THEO
NGHỊ ĐỊNH SỐ 68/2000/NĐ-CP NĂM 2021 TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP KHÁC
(Kèm theo Nghị quyết số 349/NQ-HĐND ngày 22/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên đơn vị	Kế hoạch giao năm 2021		Ghi chú
		Tổng số lượng người làm việc	Tổng số lao động HĐ theo ND số 68/2000/NĐ-CP	
1	Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Văn Phòng UBND tỉnh	15	1	
2	Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Nội vụ	15	2	
3	Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư	13		
4	Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	147	19	
5	Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ	15	1	
6	Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Tư pháp	21	1	
7	Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Công Thương	10		
8	Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT	204	4	
9	Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường	5		
10	Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Giao thông vận tải	25		<i>Tạm giao bổ sung 16 biên chế, trong đó: Tạm giao bổ sung 09 biên chế cho Ban QLXBĐT, tạm giao 07 biên chế cho Ban QLDA đường bộ nối đường cao tốc HN-HP với đường cao tốc CR-NB đoạn qua địa bàn tỉnh Hưng Yên</i>
11	Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Xây dựng	4		<i>Tạm giao bổ sung 4 biên chế cho Trung tâm Quy hoạch, kiến trúc đô thị - nông thôn</i>
12	Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Thông tin và Truyền thông	10		
13	Quỹ Phát triển đất tỉnh	10	2	
	Cộng	494	30	

PHỤ LỤC SỐ V
KẾ HOẠCH HỖ TRỢ KINH PHÍ THEO SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC,
LAO ĐỘNG HỢP ĐỒNG THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 68/2000/NĐ-CP NĂM 2021
TRONG CÁC HỘI CÓ TÍNH CHẤT ĐẶC THÙ

*(Kèm theo Nghị quyết số 349/NQ-HĐND ngày 22/12/2020
của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

STT	Tên đơn vị	Kế hoạch hỗ trợ năm 2021	
		Tổng số lượng người làm việc	Tổng số lao động HĐ theo ND số 68/2000/NĐ-CP
1	Liên minh các hợp tác xã	9	1
2	Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã	3	
3	Hội Luật gia tỉnh	3	
4	Hội Nhà báo	4	1
5	Hội Văn học nghệ thuật	8	1
6	Hội Chữ thập đỏ	32	1
6.1	Hội tỉnh	11	1
6.2	Hội huyện, thị xã, thành phố	21	
7	Hội Đông y tỉnh	7	1
8	Hội Người mù	13	
a	Hội tỉnh	3	
b	Hội huyện, thị xã, thành phố	10	
9	Hội Khuyến học tỉnh	1	
10	Liên hiệp các Hội KHKT tỉnh	5	
	Cộng	85	5